

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022.

*“Về việc ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”*

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế.

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai V án thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa V án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bé Thị H, sinh 1988. (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm ĐM, xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn V, sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm ĐM, xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết V án nguyên đơn chị Bé Thị H trình bày:*

Chị và anh V kết hôn với nhau vào ngày 07/01/2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Trước khi kết hôn anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và tổ

chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh V làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình chồng được ba năm thì vợ chồng ra ăn ở riêng trên đất của bố mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là trong ăn ở sinh hoạt gia đình và cách nuôi dạy con cái, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh V không biết làm ăn, không giúp chị chăm lo cho gia đình và con cái, kinh tế gia đình do một mình chị phải lo toan, gánh vác, chị phải đi kiếm tiền để chăm lo cho gia đình, con cái, chị làm được bao nhiêu thì cũng gửi về cho anh V để nuôi con hết nhưng anh V không biết chi tiêu chị gửi về bao nhiêu là anh V tiêu hết bằng ấy mà không tiết kiệm, chị khuyên bảo anh V nhưng anh V không thay đổi nên vợ chồng đã liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, sống không hạnh phúc và do kinh tế khó khăn chị đi làm kiếm tiền, thời gian chị đi làm xa anh V không quan tâm, không hỏi thăm gì đến chị, ngày cuối tuần chị được nghỉ về nhà nhưng vợ chồng cũng không chuyện trò, không nói gì với nhau, việc ai người ấy làm, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng chính thức sống ly dị từ tháng 01/2021 cho đến nay và không quan tâm gì đến nhau. Anh V không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị còn thực tế cũng không còn tình cảm gì với chị, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể ở cùng nhau. Trong quá trình giải quyết V án và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Lường Đình Long, sinh ngày 21/3/2009 và Lường Thị Thu, sinh ngày 08/5/2014. Cả hai con hiện đều học tại xã QK và anh V đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do hiện chị đi làm xa không có nơi ở ổn định phải đi ở trọ, anh V có nơi ở ổn định, có nhà đầy đủ vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Ly hôn để anh V được tiếp tục nuôi dưỡng và chị sẽ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/01 tháng/01 con chung (hai con là 2.000.000đ/01 tháng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, nếu anh V không nuôi con chung là chị xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V yêu cầu mức cấp dưỡng 1.500.000đ/01 tháng/ 01 con chung là cao so với thu nhập của chị và chi phí nuôi con ở địa phương. Thu nhập của chị hiện nay trung bình khoảng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/01 tháng đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Lương Văn V trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, về những mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian sống ly tH, về con chung như chị H trình bày là đúng. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh V xác định từ tháng 01/2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày. Chị H đi làm công nH xa nhà, thời gian đầu có gọi điện về cho chồng con, có gửi tiền về cho anh để chăm lo cho gia đình và nuôi con sau đó thì ít gọi điện về rồi không gọi nữa, có gọi nói chuyện thì lại cãi nhau, anh có hỏi thì chị H cho rằng đi làm về mệt không có thời gian về thăm nhà và gọi điện cho anh, từ đó vợ chồng xa cách dần và không có tình cảm, thỉnh thoảng chị H về nhưng không nói chuyện gì với anh. Đến tháng 9/2021 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, những ngày lễ tết chị H chỉ về nhà một lúc rồi lại đi xuống chỗ làm ngay không ở nhà với chồng, con. Vợ chồng chính thức sống ly tH từ tháng 9/2021 cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì anh thương con, không muốn con bị thiếu vắng tình cảm và sự chăm sóc của bố và mẹ.

- Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có hai con chung là Lường Đình Long, sinh ngày 21/3/2009 và Lường Thị Thư, sinh ngày 08/5/2014 hiện nay đang học xã QK, hiện nay cả hai con đang ở với anh như chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh xin tiếp tục được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000đ/01 tháng/01 con cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh đang làm ruộng và khi nông nhàn anh làm thuê thu nhập bình quân hàng tháng vào từ 3.000.000đ – 4.000.000đ/tháng, đề nghị Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh V xác định chị H không có công sức gì.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nH dân huyện Đ về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong V án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết V án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết V án đã tuân theo pháp luật tố tụng, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa V của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Về việc giải quyết V án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh V; Về con chung: Giao cháu Lường Đình Long, sinh ngày 21/3/2009 và Lường Thị Thu, sinh ngày 08/5/2014 cho anh V trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa V cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Bé Thị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là Lường Đình Long, sinh ngày 21/3/2009 với mức 1.000.000đ/01 tháng và con chung Lường Thị Thu, sinh ngày 08/5/2014 với mức 1.000.000đ/01 tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa V cấp dưỡng nuôi con: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý V án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy V án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là V án ly hôn và tranh chấp về nuôi mà bị đơn cư trú tại xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy V án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết V án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh nguyên nH mâu thuẫn của vợ chồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nH dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H cho thấy:

- Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hạnh phúc. Đến tháng 9/2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trong ăn, ở sinh hoạt hàng ngày, đến tháng 9/2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, luôn xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống ly tH từ đó cho đến nay. Chị H cho rằng do anh V không quan tâm đến chị, con và gia đình, không biết làm ăn, chị góp ý nhưng anh V không nghe, anh V cho rằng vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống trong ăn ở sinh hoạt, nuôi dạy con cái. Từ khi chị H đi làm công nH xa nhà thì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ngày tết chị H không về nhà ăn tết mà chỉ về một lúc xong lại đi ngay. Như vậy cho thấy giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng đi tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do và đổ lỗi cho nhau về nguyên nH dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị H xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Anh V cũng không đưa ra được biện pháp, cách thức nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết V án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị H cương quyết xin được ly hôn anh V. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, đúng thực tế. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nH và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị Lựu cần được chấp nhận.

[3]. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Về yêu cầu xin nuôi con chung của anh V và ý kiến của chị H xét thấy: Chị H và anh V có 02 con chung là Lường Đình Long, sinh ngày 21/3/2009 và Lường Thị Thu, sinh ngày 08/5/2014. Chị H không có n ở ổn định, nay đây mai đó, phải đi thuê nhà ở. Anh V có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu Long, cháu Thu xin được ở với bố. Việc giao cháu Long, cháu Thu cho anh V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của anh V, của cháu Long, cháu Thu và chị H. Chị H vì vậy cần giao cháu Lường Đình Long và cháu Lường Thị Thu cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung được tốt nhất, đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cả hai con chung.

- Về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh V xét thấy: Chị H có sức khỏe, có việc làm, có thu nhập, việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên là quyền và nghĩa V của cha mẹ. Anh V yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là đúng cần được chấp nhận. Tuy nhiên anh V yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ/01 tháng/01 con nhưng không đưa ra được các khoản chi phí nào cụ thể và trách nhiệm nuôi con là chung của cả vợ

và chồng. Với điều kiện kinh tế thu nhập tại địa phương và chi phí nuôi dưỡng con trong ăn ở học tập tại địa phương và so với thu nhập của chị H yêu cầu của anh V là cao, mức đóng góp nuôi con với mức 1.000.000^d (Một triệu đồng) /01 (trên một tháng)/ trên một cháu như ý kiến của chị H là phù hợp với thực tế, đúng quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức:

- Về tài sản chung: Chị H, anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị H, anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị H, anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa V cấp dưỡng nuôi con:

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị H được ly hôn anh Lương Văn V.

2. Về con chung:

Giao cho anh Lương Văn V, được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lường Đình Long, sinh ngày 21/3/2009 và Lường Thị Thư, sinh ngày 08/5/2014 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa V cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng chị Bé Thị H có nghĩa V cấp dưỡng nuôi con chung là Lường Đình Long, sinh ngày 21/3/2009 với mức

1.000.000^d (Một triệu đồng)/tháng (trên một tháng) và Lương Thị Thu, sinh ngày 08/5/2014 với mức 1.000.000^d (Một triệu đồng) /tháng (trên một tháng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa V chậm trả tiền thì bên đó phải lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, Điều 7 b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Bé Thị H và anh Lương Văn V đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng, nhà vợ: Chị Bé Thị H và anh Lương Văn V đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa V cấp dưỡng nuôi con:

Chị Bé Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004528 ngày 01/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị H còn phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa V cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã QK;
- Lưu: Hồ sơ V án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thiện Hoàng

